

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 29 THÁNG 9 NĂM 2016

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 29 tháng 9 năm 2016	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016	12 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV 28.1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV 28.1 được thành lập theo Quyết định số 124/2006/QĐ-BQP ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc chuyển Xí nghiệp 1 thuộc Công ty 28 (nay là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28) thành Công ty TNHH MTV 28.1. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 (số cũ 4104000188) đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 - 8) 3 8 940 914
- Fax : (84 - 8) 3 8 941 668

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất hàng may mặc (trừ tấy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan);
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may.

Ban điều hành, quản lý

Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Doãn Thoan	Giám đốc	Ngày 01 tháng 3 năm 2014
Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Giám đốc	Ngày 28 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Phó Giám đốc	Ngày 24 tháng 9 năm 2013

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Doãn Thoan – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY TNHH MTV 28.1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 29 tháng 9 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Doãn Thoan
Giám đốc

Ngày 28 tháng 10 năm 2016







Số: 0905/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV 28.1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV 28.1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 10 năm 2016, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 29 tháng 9 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV 28.1 tại ngày 29 tháng 9 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Hoàng Thái Vương - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2016

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 29 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.543.280.056	98.755.220.028
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.967.809.385	1.657.196.938
1. Tiền	111		8.967.809.385	1.657.196.938
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.263.460.512	5.813.065.018
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	42.778.528.839	3.023.412.514
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.981.447.562	2.492.031.165
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	503.484.111	297.621.339
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		55.739.604.745	87.845.811.330
1. Hàng tồn kho	141	V.5	55.739.604.745	87.845.811.330
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.572.405.414	3.439.146.742
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.572.405.414	3.439.146.742
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.802.702.652	30.698.884.744
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		70.000.000	70.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	70.000.000	70.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.732.702.652	30.325.002.318
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	33.732.702.652	30.325.002.318
- Nguyên giá	222		65.131.640.122	57.088.766.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.398.937.470)	(26.763.763.804)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	303.882.426
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	-	303.882.426
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.345.982.708	129.454.104.772



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		107.345.982.708	89.454.104.772
I. Nợ ngắn hạn	310		100.740.982.708	87.449.104.772
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	31.664.279.666	37.160.039.645
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	22.400.663
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	503.528.387	187.045.623
4. Phải trả người lao động	314	V.10	20.096.259.695	15.538.436.740
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	20.289.847.217	6.084.470.574
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	24.754.522.485	25.138.849.560
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	3.432.545.258	3.317.861.967
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.605.000.000	2.005.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	105.000.000	5.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	6.500.000.000	2.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

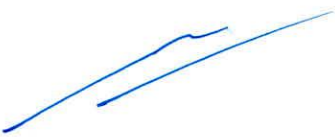
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.000.000.000	40.000.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410		40.000.000.000	40.000.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		147.345.982.708	129.454.104.772

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2016




 Nguyễn Văn Kiên
 Người lập


 Nguyễn Hữu Phước
 Kế toán trưởng


 Trần Doãn Thoan
 Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	363.253.095.910	347.229.995.034
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		363.253.095.910	347.229.995.034
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	328.865.461.963	310.612.186.145
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.387.633.947	36.617.808.889
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.775.564.024	4.492.189.633
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.711.444.809	2.419.617.250
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.016.848.498	726.869.896
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.623.056.105	4.822.156.988
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.373.788.379	23.060.296.632
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.454.908.678	10.807.927.652
11. Thu nhập khác	31	VI.7	48.201.686	71.906.814
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	306.404.091
13. Lợi nhuận khác	40		48.201.686	(234.497.277)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.503.110.364	10.573.430.375
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	1.500.622.073	2.326.154.682
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6.002.488.291</u>	<u>8.247.275.693</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Văn Kiên
Người lập

Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng

Trần Doãn Thoan
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.503.110.364	10.573.430.375
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6	4.635.173.666	4.303.407.658
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	17.351.816	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	295.458.110
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.016.848.498	726.869.896
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.172.484.344	15.899.166.039
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(39.575.472.290)	(13.027.203.686)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		32.106.206.585	29.910.201.380
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.955.329.746	(12.759.613.172)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		303.882.426	551.236.737
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	4.278.140.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(1.016.848.498)	(599.289.217)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(1.187.414.554)	(2.330.882.590)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	176.959.771
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.13	(1.987.805.000)	(6.964.280.913)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.770.362.759	15.134.434.349
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.853.732.729)	(3.677.675.346)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	226.636.400
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.853.732.729)	(3.451.038.946)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

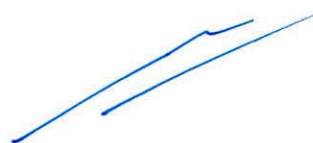
Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.12	90.033.039.731	65.386.790.831
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(85.744.951.971)	(66.009.150.730)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.11, V.14	(2.894.105.343)	(6.596.371.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.393.982.417	(7.218.731.144)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.310.612.447	4.464.664.259
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.657.196.938	3.683.935.127
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		8.967.809.385	8.148.599.386

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2016


Nguyễn Văn Kiên
Người lập


Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng




Trần Doãn Thoan
Giám đốc

0449
ÔNG
NHIỆM
OÀN V.
4 &
7-T.P.

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV 28.1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất hàng may mặc (trừ tấy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan); Mua bán hàng may mặc; Mua bán nguyên phụ liệu ngành may.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Quyết định số 2101/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2016, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV 28.1 thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28. Công ty đã thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần 28.1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 9 năm 2016.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 838 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 844 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 29 tháng 9 năm 2016 là năm tài chính cuối cùng của Công ty dưới hình thức công ty 100% vốn Nhà nước. Sau thời điểm này Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08
Tài sản cố định khác	02 – 03

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.



CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	48.371.693	27.315.071
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.919.437.692	1.629.881.867
Cộng	<u>8.967.809.385</u>	<u>1.657.196.938</u>

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Itochu Prominent USA LLC	31.760.894.089	2.280.968.267
Prominent Europe Ltd	6.677.100.301	569.981.254
Các khách hàng khác	4.340.534.449	172.462.993
Cộng	42.778.528.839	3.023.412.514

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Shanghai Aviation Import & Export Co., Ltd	1.817.858.128	-
Credit Agricole Leasing & Factoring Sa	543.855.625	-
Grasim Bhiwani Textiles Co.,Ltd.,	-	1.168.889.115
Yud (Group) Shanghai Imp. & Exp. General Corp	-	301.275.666
Các nhà cung cấp khác	1.619.733.809	1.021.866.384
Cộng	3.981.447.562	2.492.031.165

4. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cơ quan Bảo hiểm xã hội	-	-	192.933.802	-
Tạm ứng	46.002.092	-	67.687.537	-
Phải thu về cổ phần hóa	312.927.272	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	144.554.747	-	37.000.000	-
Cộng	503.484.111	-	297.621.339	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.614.181.670	-	31.603.914.597	-
Công cụ, dụng cụ	77.329.144	-	76.637.733	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.886.496.716	-	5.972.793.084	-
Thành phẩm	22.161.597.215	-	50.192.465.916	-
Cộng	55.739.604.745	-	87.845.811.330	-

Toàn bộ hàng tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (xem thuyết minh số V.12a).

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	13.081.005.346	39.396.568.830	1.679.103.033	340.536.200	2.591.552.713	57.088.766.122
Mua sắm mới	-	8.042.874.000	-	-	-	8.042.874.000
Số cuối năm	13.081.005.346	47.439.442.830	1.679.103.033	340.536.200	2.591.552.713	65.131.640.122



CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	459.465.511	2.706.439.582	873.648.488	85.966.200	393.076.020	4.518.595.801
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.824.862.353	15.500.372.235	1.054.875.755	203.072.213	1.180.581.248	26.763.763.804
Khấu hao trong năm	462.676.482	3.840.922.286	60.409.089	42.830.801	228.335.008	4.635.173.666
Số cuối năm	9.287.538.835	19.341.294.521	1.115.284.844	245.903.014	1.408.916.256	31.398.937.470
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	4.256.142.993	23.896.196.595	624.227.278	137.463.987	1.410.971.465	30.325.002.318
Số cuối năm	3.793.466.511	28.098.148.309	563.818.189	94.633.186	1.182.636.457	33.732.702.652
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn đầu năm là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	90.750.000	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 – Mua nguyên vật liệu	90.750.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	31.573.529.666	37.160.039.645
Prominent Europe Ltd	12.253.928.284	27.628.193.615
Freudenberg	3.871.684.633	-
Các nhà cung cấp khác	15.447.916.749	9.531.846.030
Cộng	31.664.279.666	37.160.039.645

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	114.752.368	(114.752.368)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	118.787.159	(118.787.159)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.490.247	1.500.622.073	(1.187.414.554)	487.697.766
Thuế thu nhập cá nhân	12.555.376	172.059.013	(168.783.768)	15.830.621
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	187.045.623	1.909.220.613	(1.592.737.849)	503.528.387

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu 0%
- Hàng tiêu thụ trong nước 10%

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.503.110.364	10.573.430.375
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	7.503.110.364	10.573.430.375
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.500.622.073	2.326.154.682

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

10. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương phải trả người lao động	5.242.868.921	5.245.115.950
Quỹ thưởng cho nhân viên	13.051.151.322	9.020.524.876
Quỹ lương dự phòng	1.802.239.452	1.272.795.914
Cộng	20.096.259.695	15.538.436.740

11. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác

11a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	5.144.396.273	4.138.501.616
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Lợi nhuận phải trả và các khoản phải trả khác	5.144.396.273	4.138.501.616
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	15.145.450.944	1.945.968.958
Phải trả về cổ phần hóa	14.164.750.000	-
Kinh phí công đoàn	202.943.883	230.221.593
BHXH, BHYT, BHTN	3.213.190	608.490.289
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	774.543.871	1.107.257.076
Cộng	20.289.847.217	6.084.470.574

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

11c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

12. Vay ngắn hạn/dài hạn

12a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	7.200.000.000	3.225.000.000
Vay Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	25.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 (xem thuyết minh số V.12b)	7.200.000.000	3.200.000.000
Vay ngắn hạn phải trả tổ chức khác	17.554.522.485	21.913.849.560
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	17.554.522.485	21.913.849.560
Cộng	24.754.522.485	25.138.849.560

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.5).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	21.913.849.560	81.533.039.731	-	(172.414.835)	(85.719.951.971)	17.554.522.485
Vay ngắn hạn tổ chức khác	25.000.000	-	-	-	25.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.200.000.000	-	4.000.000.000	-	-	7.200.000.000
Cộng	25.138.849.560	81.533.039.731	4.000.000.000	(172.414.835)	(85.744.951.971)	24.754.522.485

12b. Vay dài hạn

Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 để mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 04%/năm. Số tiền vay được hoàn trả nhiều đợt cho đến khi kết thúc hợp đồng vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	7.200.000.000	3.200.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	6.500.000.000	2.000.000.000
Tổng nợ	13.700.000.000	5.200.000.000

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2016</u> <u>đến ngày 29/9/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 29/9/2015</u>
Số đầu năm	2.000.000.000	3.600.000.000
Số tiền vay phát sinh	8.500.000.000	4.000.000.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(4.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số cuối năm	6.500.000.000	2.600.000.000

12c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Từ ngày 01/01/2016</u> <u>đến ngày 29/9/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 29/9/2015</u>
Số đầu năm	3.317.861.967	1.369.772.336
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.102.488.291	1.708.944.176
Tăng khác	-	57.100.000
Chi quỹ	(1.987.805.000)	(755.390.652)
Số cuối năm	3.432.545.258	2.380.425.860

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của</u> <u>chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư</u> <u>phát triển</u>	<u>Lợi nhuận</u> <u>sau thuế</u> <u>chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	3.335.082.955	4.958.571.328	48.293.654.283
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	9.299.701.800	9.299.701.800
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	(2.761.370.283)	(2.761.370.283)
Chia lợi nhuận	-	-	(11.496.902.845)	(11.496.902.845)
Chuyển về Tổng Công ty	-	(3.335.082.955)	-	(3.335.082.955)
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	6.002.488.291	6.002.488.291
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	(2.102.488.291)	(2.102.488.291)
Chia lợi nhuận	-	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đến ngày 29 tháng 9 năm 2016 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 40.000.000.000 VND.

14c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Quyết định của Ban Giám đốc số 204/QĐ-CT ngày 18 tháng 10 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia lợi nhuận cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	: 3.900.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 2.102.488.291

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

15a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 169.440,67 USD (số đầu năm là 61.153,13 USD).

15b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng Công ty TNHH may mặc S.M với số tiền 6.308.051.602 VND đã được xóa sổ do công ty này đã giải thể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015</u>
Doanh thu hàng xuất khẩu	354.935.336.865	342.927.258.162
Doanh thu hàng kinh tế	7.632.442.867	3.421.297.572
Doanh thu cung cấp dịch vụ	685.316.178	881.439.300
Cộng	<u>363.253.095.910</u>	<u>347.229.995.034</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015</u>
<i>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28</i>		
Bán thành phẩm	204.670.294	1.730.875.000
<i>Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi</i>		
Bán thành phẩm	4.021.818	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015</u>
Giá vốn hàng xuất khẩu	322.725.687.925	307.819.281.936
Giá vốn hàng kinh tế	5.930.272.881	2.583.627.002
Giá vốn cung cấp dịch vụ	209.501.157	209.277.207
Cộng	<u>328.865.461.963</u>	<u>310.612.186.145</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.704.603	12.863.377
Lãi bán chứng khoán	-	2.282.917.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.771.859.421	2.196.409.256
Cộng	<u>1.775.564.024</u>	<u>4.492.189.633</u>



CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015
Chi phí lãi vay	1.016.848.498	726.869.896
Chi phí bán chứng khoán	-	10.980.608
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.351.816	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	677.244.495	1.681.766.746
Cộng	1.711.444.809	2.419.617.250

5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015
Chi phí vật liệu, bao bì	2.370.498.595	2.494.237.973
Chi phí hải quan, vận chuyển, bốc xếp hàng	1.368.083.559	1.829.938.636
Xuất mẫu cho khách hàng	884.473.951	497.980.379
Cộng	4.623.056.105	4.822.156.988

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015
Chi phí cho nhân viên	17.206.440.483	16.760.237.350
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.364.398.333	805.064.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.239.890	115.089.157
Thuế, phí và lệ phí	689.522.422	247.637.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.294.687.934	3.403.863.828
Các chi phí khác	1.715.499.317	1.728.404.281
Cộng	22.373.788.379	23.060.296.632

7. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015
Thu nhập từ chênh lệch giá hàng	22.400.663	-
Các khoản thu nhập khác	25.801.023	71.906.814
Cộng	48.201.686	71.906.814

8. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/9/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 29/9/2015
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	295.458.110
Thuế bị phạt, truy thu	-	8.946.745
Chi phí khác	-	1.999.236
Cộng	-	306.404.091

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Từ ngày 01/01/2016</u> <u>đến ngày 29/9/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 29/9/2015</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	226.495.559.548	222.035.829.973
Chi phí nhân công	75.663.033.263	67.298.049.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.635.173.666	4.303.407.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.999.151.562	13.844.057.407
Chi phí khác	3.674.960.148	8.260.581.495
Cộng	327.467.878.187	315.741.925.772

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Từ ngày 01/01/2016</u> <u>đến ngày 29/9/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 29/9/2015</u>
Tiền lương	877.720.000	785.880.000
Phụ cấp	37.587.000	60.254.000
Cộng	915.307.000	846.134.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bình Phú	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY TNHH MTV 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 29 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2016</u> <u>đến ngày 29/9/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 29/9/2015</u>
Công ty Cổ phần Bình Phú		
Mua nguyên liệu	45.524.800	96.120.000
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú		
Mua đồ dùng, thiết bị	4.090.909	-
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi		
Phí gia công	585.152.932	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28		
Chia lợi nhuận	3.900.000.000	11.496.902.845
Các khoản thu, chi hộ	2.556.128.838	1.450.637.477
Chi phí lãi vay	254.766.987	184.191.396
Mua nguyên, nhiên, vật liệu và phí gia công	770.830.644	1.733.547.623
Chi phí thuê đất	726.454.314	726.454.314
Vay	8.500.000.000	4.124.600.000


Công nợ với các bên liên quan khác

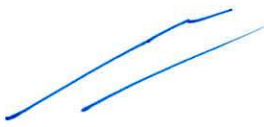
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.8, V.11a và V.12.


6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 29 tháng 9 năm 2016 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 đăng ký thay đổi lần thứ 3 về việc chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV 28.1 thành Công ty Cổ phần 28.1.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2016


Nguyễn Văn Kiên
Người lập


Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng


Trần Doãn Thoan
Giám đốc

